

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/2026/CLARA

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CLARA**

Địa chỉ: Lô CN 21-B Cụm công nghiệp Tiên Tiến, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Điện thoại: 0919823002

E-mail: info@nuocclara.vn

Mã số doanh nghiệp: 5400545906

Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 số: W2307F; Ngày Cấp: 29/05/2025; Đơn vị cấp: Công ty cổ phần chứng nhận WCERT

Giấy chứng nhận FDA số: CGLOBAL.FDA.9237

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI CLARA pH8.5**

2. Thành phần:

- Nước đã qua xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT.

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Thể tích thực: 250 ml, 300 ml, 350 ml, 400 ml, 500 ml, 1.500 ml, 12 lít, 19 lít Hoặc thể tích khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa, bình nhựa và nắp nhựa phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Bao bì bảo đảm an toàn thực phẩm và phù hợp với quy định hiện hành. Đối với các sản phẩm đóng chai, bao bì ngoài là thùng giấy carton hoặc màng co PE.



4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Đối với sản phẩm đóng bình 12 lít và 19 lít: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Đối với sản phẩm đóng chai 250 ml, 300 ml, 350 ml, 400 ml, 500 ml và 1.500 ml: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm, maket thùng

- Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ QCVN 6-1: 2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai

+ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Trung

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ	THỰC PHẨM THƯỜNG	TCCS số: 09/2026/CLARA
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Clara	Nước uống đóng chai Clara pH8.5	Có hiệu lực từ ngày ký

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Hàm lượng khoáng trong nước:

STT	Mục	Ngưỡng công bố trên 1 lít sản phẩm
1	Magie (Mg^{2+})	≤ 10 mg
2	Natri (Na^{+})	≤ 10 mg
3	Kali (K^{+})	≤ 10 mg
4	Calci (Ca^{2+})	≤ 10 mg

Độ pH: 8.0- 8.5

TDS ≤ 80 ppm

1.2 Các chỉ tiêu vi sinh vật

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên

nhiên và nước uống đóng chai

Kiểm tra lần đầu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	E. Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/250ml	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào
2	Coliform tổng số	CFU/250ml	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ.
3	Streptococci feacal	CFU/250ml	
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250ml	
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50ml	

Kiểm tra lần thứ hai:

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép (Trong 1ml sản phẩm)			
		n ¹⁾	c ²⁾	m ³⁾	M ⁴⁾
1	Coliform tổng số	4	0	1	2
2	Streptococci feacal	4	0	1	2
3	Pseudomonas aeruginosa	4	1	0	2
4	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	4	0	1	2

n¹⁾: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

c²⁾ : số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c thì không đạt.

m³⁾: mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.

M⁴⁾: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

1.3. Các chỉ tiêu hóa học:

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Stibi (Antimon)	mg/l	$\leq 0,02$
2	Arsen (tính theo Arsen tổng số)	mg/l	$\leq 0,01$
3	Bari	mg/l	$\leq 0,7$
4	Borat (tính theo Bor)	mg/l	$\leq 0,5$
5	Bromat	mg/l	$\leq 0,01$
6	Cadmi	mg/l	$\leq 0,003$
7	Clor	mg/l	≤ 5
8	Clorat	mg/l	$\leq 0,7$
9	Clorit	mg/l	$\leq 0,7$
10	Crom (tính theo Crom tổng số)	mg/l	$\leq 0,05$
11	Đồng	mg/l	≤ 2
12	Cyanid	mg/l	$\leq 0,07$
13	Fluorid	mg/l	$\leq 1,5$
14	Chì	mg/l	$\leq 0,01$
15	Mangan	mg/l	$\leq 0,4$
16	Thủy ngân	mg/l	$\leq 0,006$
17	Molybden	mg/l	$\leq 0,07$
18	Nickel	mg/l	$\leq 0,07$
19	Nitrat (tính theo ion nitrat)	mg/l	≤ 50
20	Nitrit (tính theo ion nitrit)	mg/l	≤ 3
21	Selen	mg/l	$\leq 0,01$

2. Thành phần cấu tạo

- Nước đã qua xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT.

3. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

- Xuất xứ: Việt Nam
- Sản phẩm của: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Clara.
- Sản xuất tại: Lô CN 21-B Cụm công nghiệp Tiên Tiến, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
- Tên và địa chỉ nhà phân phối (nếu có): Theo thông tin thể hiện trên nhãn sản phẩm tương ứng.

Phú Thọ, ngày 27 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Trung